

SỬ DỤNG HỆ SỐ GINI ĐỂ PHÂN TÍCH SỰ PHÂN HÓA GIÀU NGHÈO

PGS, TS. Phạm Ngọc Kiểm

1. Nghèo đói tương đối và nghèo khổ tuyệt đối

Nghèo đói gắn liền với bệnh tật, chết yểu, thất học và không ổn định về chính trị, xã hội. Vì thế, nó là vấn đề cả thế giới quan tâm để giải quyết. Song kết quả của quá trình giải quyết vấn đề này đôi khi lại vượt ra ngoài sự mong đợi của con người. Chẳng hạn, năm 1995 thế giới lấy tiêu đề là năm "Thế giới chống nghèo đói". Trong thời gian này cả thế giới có khoảng 800 triệu người đói mà trong đó có khoảng 200 triệu người có nguy cơ chết đói. Song đến nay số người đói không những không giảm mà còn tăng thêm trên 6,25% so với năm 1995. Theo báo cáo của LHQ thì hiện nay trên thế giới có khoảng 850 triệu người đói. Sở dĩ tình trạng trên đã được LHQ quan tâm và cuộc đấu tranh chống lại nó mang tính toàn cầu lại được sự hỗ trợ tích cực của các tổ chức kinh tế tài chính quốc

tế như IMF, WB, ADB, FAO, UNTAD... mà không giải quyết được. Bởi lẽ, hiện có những nhân tố ngoài tầm kiểm soát của con người mà sự tiến bộ của khoa học cũng chưa vượt qua được như: Tình trạng hạn hán, lũ lụt, bão tố...

Từ những năm của thập kỷ 70 lại đây, người đã phát hiện ra một nghịch cảnh về sự tăng trưởng đáng kể GDP ở các nước đang phát triển nhưng một số lớn dân cư của các nước này vẫn sống dưới mức nghèo đói. Vì vậy, sự phân biệt nghèo đói tuyệt đối và nghèo đói tương đối có liên quan nhiều tới việc hoạch định chính sách "Xóa đói, giảm nghèo" và giám sát sự dịch chuyển kết quả của nó. Đây là vấn đề có liên quan tới hoạch định chính sách kinh tế, xã hội của mọi quốc gia.

Theo Rowntrec, khi nghiên cứu tình trạng nghèo đói của dân cư vùng York

năm 1901 đã trình bày quan niệm về nghèo đói tuyệt đối như sau:

Một gia đình được gọi là nghèo đói tuyệt đối có nghĩa là số tiền kiếm được của gia đình không đủ để trang trải (mua sắm) các nhu cầu tối thiểu nhằm duy trì năng lực của cơ thể. Những xem xét về mặt sinh học liên quan tới khả năng tái sản xuất sức lao động gồm nhiều yếu tố cấu thành như: Về lương thực, thực phẩm, nhiên liệu, quần áo, chỗ ở, vui chơi giải trí...

Theo các nhà thống kê của Viện Thống kê khu vực châu Á - Thái Bình Dương thì: nghèo đói tuyệt đối có nghĩa là thu nhập thực tế của hộ không đảm bảo đủ cho hộ được hưởng những cái mà xã hội cho phép họ được hưởng ở mức tối thiểu để duy trì được tái sản xuất sức lao động như ăn, uống, học tập, ở, vui chơi giải trí, chữa bệnh... nghèo đói tuyệt đối còn bao gồm các hiện tượng như suy dinh dưỡng, thiếu ăn hoặc chết đói, hoặc phải lao động cực nhọc.

Theo quan điểm này thì nghèo đói tuyệt đối xảy ra ở những nước chậm phát triển và hầu như rất hiếm có ở các nước công nghiệp phát triển.

Việc đo lường nghèo đói tuyệt đối là việc làm hết sức phức tạp, vì nó thiếu chuẩn mực chung cho các quốc gia trên thế giới. Các nhà nghiên cứu đã đề ra một số chuẩn mực sau:

* Một số nhà kinh tế học cho rằng những hộ gia đình có mức tiêu dùng trung bình nhỏ hơn hay bằng 1 USD/người/ngày thuộc những hộ nghèo đói. Họ cho rằng đây là mức tiêu dùng không thể đủ đảm bảo nhu cầu tối thiểu của cuộc sống hiện nay trên thế giới.

* Các nhà kinh tế học Ấn Độ có cách nhìn vấn đề thực tế hơn. Họ cho rằng cần

cần cứ vào năng lượng cung cấp cho con người hàng ngày để đánh giá chất lượng cuộc sống và khả năng tái sản xuất sức lao động. Xuất phát từ thực tế của Ấn Độ họ đề xuất mức chuẩn là 2250 calo/ngày.

Song việc sử dụng calo để đo mức thỏa dụng về mức sống cũng chỉ là giải pháp trong điều kiện chưa tìm được giải pháp tối ưu nào hơn nó. Bởi việc tiêu dùng calo phụ thuộc vào nhiều nhân tố như: Giới tính, độ tuổi, tập quán tiêu dùng của dân cư, điều kiện thời tiết, khí hậu của vùng. Hai là, nhu cầu tối thiểu này còn phụ thuộc vào cách chọn mặt hàng, khẩu vị. Có thể người ta tiêu dùng loại thực phẩm rẻ tiền nhưng lại có giá trị dinh dưỡng cao hơn mặt hàng đắt tiền trên thị trường cùng ở một địa phương. Trong khi đó các bà nội trợ lại ít hiểu biết về khẩu phần và giá trị dinh dưỡng của nó. Ba là, có những nhu cầu không thể tính được bằng calo như quần áo, nhà ở, học tập... Song dù sao thì hiện nay nó vẫn được sử dụng để đo mức nghèo đói nghèo đói tuyệt đối được áp dụng ở nhiều nước trong đó có Việt Nam.

Nghèo đói (còn gọi là nghèo khổ) tương đối là khái niệm chỉ ra rằng một bộ phận dân cư có mức thu nhập dưới trung bình của tập đoàn dân cư đó. Nghèo khổ tương đối tồn tại ở mọi quốc gia trên thế giới bất luận là quốc gia đó giàu hay nghèo. Chẳng hạn, ở Mỹ hoặc Nhật Bản thu nhập của tầng lớp dân cư có mức thu nhập thấp nhất cũng cao hơn nhiều lần so với dân cư ở các nước đang phát triển. Song họ sống nghèo khổ so với nhu cầu cuộc sống phổ biến ở nước họ. Sự chênh lệch về mức sống của các tầng lớp dân cư tạo ra nghèo khổ tương đối. Nói cách khác, nghèo khổ tương đối do sự phân phối bất bình đẳng tạo ra.

Nghèo khổ tuyệt đối gắn với trình độ phát triển kinh tế của mỗi quốc gia. Khi nền kinh tế của mỗi quốc gia tăng trưởng nhanh trong vài ba thập kỷ sẽ đưa dân tộc đó thoát khỏi cảnh nghèo đói tuyệt đối. Chẳng hạn như Hàn Quốc, Đài Loan, Singapore... nhờ kết quả phát triển kinh tế liên tục từ những năm 60 lại đây đã đưa dân cư của họ vượt qua giới hạn nghèo đói tuyệt đối và sánh vai với các nước công nghiệp phát triển.

Trái lại nghèo khổ tương đối lại phụ thuộc vào phương thức phân phối kết quả lao động của con người tạo ra. Nó là một loại chỉ báo mô tả tính chất bất công của xã hội. Nó được đo lường dễ dàng hơn so với nghèo khổ tuyệt đối nên thường được nhắc đến hơn.

2. Phương pháp đo sự bất bình đẳng trong thu nhập của các tầng lớp dân cư

Nhìn chung ở tất cả các quốc gia trên thế giới hiện nay đều có sự bất bình đẳng trong thu nhập. Sự bất bình đẳng được đo bằng đường cong Lorenz. Người ta chia thành các phần trăm dân cư và phần trăm thu nhập tương ứng. Nếu có bao nhiêu phần trăm dân cư lại nhận được đúng bằng ấy phần trăm thu nhập thì các điểm phân phối nằm trên đường chéo của hình vuông đi từ Tây Nam lên Đông Bắc. Nếu có phân phối như vậy thì bình đẳng tuyệt đối trong thu nhập. Điều này hiện nay không thể có. Trong thực tế những người nghèo chỉ nhận được rất ít trong tổng quỹ phân phối. Vì thế, khi biểu diễn trực tung là phần trăm thu nhập còn trục hoành là phần trăm dân cư. Nối các điểm đó lại ta có đường cong gọi là đường cong Lorenz. Đường cong này càng cách xa đường chéo của hình vuông thì sự bất bình đẳng càng cao. Để đo cụ thể mức độ bất bình đẳng người ta dùng hệ số GINI để đo. Hệ

số này được tính bằng cách so sánh phần diện tích bị giới hạn bởi đường chéo của hình vuông và đường cong Lorenz với diện tích của nửa hình vuông đó. Nếu hệ số GINI bằng 0% ở đó có phân phối tuyệt đối bình đẳng, nếu dưới 35% là bình thường, nếu từ 35 đến 50% là bất bình đẳng phải quan tâm, nếu từ 50 đến 70% là bất bình đẳng ở mức quá cao. Căn cứ vào dữ liệu của đường cong Lorenz và hệ số GINI để tính ra mức thu nhập cho từng loại như 40% nghèo nhất, 40% trung bình và 20% hoặc 10% tầng lớp dân cư có thu nhập cao nhất chiếm tương ứng bao nhiêu phần trăm trong tổng thu nhập của quốc gia. Nhìn chung sự bất bình đẳng của từng quốc gia thấp hơn so với sự bất bình đẳng của toàn thế giới. Việc phân chia mức độ bất bình đẳng tính cho 40% dân cư có thu nhập thấp nhất trong tổng quỹ phân phối của quốc gia như sau:

- Nếu chiếm dưới 12% là bất bình đẳng ở mức độ cao
- Nếu chiếm từ 12% đến 17% là bất bình đẳng ở mức vừa phải
- Nếu chiếm trên 17% là tương đối công bằng.

Rõ ràng cách phân chia như vậy đủ cho ta thấy sự công bằng xã hội không có nghĩa là cào bằng. 40% tầng lớp dân cư ở loại thấp nhận được trên 17% quỹ phân phối là hợp lý lắm rồi. Bởi lẽ nếu xem xét thuần túy phân phối theo lao động thì phần lớn trong số họ là những người lao động giản đơn nên nhận mức lương thấp hơn. Nếu xem xét cả về mặt phân phối theo tài sản thì họ hầu như không có khoản thu nhập này nên sự chênh lệch là đương nhiên. Sự chênh lệch trong thu nhập ngày càng gia tăng ở những nước đang phát triển kinh tế theo nền kinh tế thị trường bởi:

+ Trước hết những người có thu nhập cao sẽ tiếp tục nhận được phần nhiều hơn do kết quả của tăng trưởng kinh tế đem lại. Thu nhập của họ nếu xét thuần túy do tiền công mang lại thường cao hơn hẳn những người lao động bình thường. Vì họ là những ông chủ hoặc ít ra cũng là đội ngũ những người lao động phức tạp. Mặt khác họ còn phần thu nhập do tài sản mang lại. Nếu họ là chủ doanh nghiệp, thì phần giá trị thặng dư thuộc về họ hoàn toàn.

+ Theo qui luật của hàm số tiêu dùng và hàm số để dành thì tỷ lệ tiêu dùng cận biên (MPC) có xu hướng giảm còn tỷ lệ tiết kiệm cận biên (MPS) có xu hướng tăng lên. Đối với những người có thu nhập cao rõ ràng phần tiết kiệm tăng nhanh. Họ dùng số này vào tái đầu tư làm cho lợi nhuận của họ tăng lên nhanh chóng.

+ Phần nhiều những người có thu nhập cao, có sản xuất kinh doanh sống tập trung ở các đô thị hoặc những nơi có điều kiện kinh doanh thuận lợi. Chẳng hạn như ở nước ta, số người giàu thường sống trong các thành phố hoặc các thị xã. Vì thế, thu nhập của họ tăng lên nhanh hơn hẳn đông đảo dân cư ở nông thôn. Theo số liệu điều tra của Tổng cục Thống kê, thu nhập bình quân của một người dân nông thôn năm 1994 bằng 0,63 lần; năm 1995 bằng 0,55 lần và năm 1996 bằng 0,54 lần dân thành thị. Thời kỳ 1994-1996 tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người hàng năm ở khu vực nông thôn là 15,4% thì khu vực thành thị là 17%. Đối với dân cư sống ở vùng sâu, vùng xa, miền núi phía Bắc thu nhập thấp và tăng lên chậm hơn so với các vùng khác. Năm 1994 thu nhập của dân cư miền núi phía Bắc chỉ bằng 0,79 lần so với bình quân chung của cả nước và bằng 0,48 lần so với miền Đông Nam Bộ. Đến năm 1996 hai chỉ tiêu

trên chỉ còn 0,77 lần và 0,46 lần. Mặc dù Đảng và Nhà nước đã đề ra nhiều chính sách và biện pháp để giúp đỡ nông thôn, miền núi để xóa đói giảm nghèo, tăng thu nhập.

3. Phương pháp tính phần trăm thu nhập cho các nhóm dân cư

Để đánh giá sự bất bình đẳng bằng hệ số GINI cần phải tính hệ số GINI. Như trên đã nêu: Nếu 40% tầng lớp dân cư có thu nhập thấp chiếm X% thu nhập thì người ta có thể kết luận rằng phân phối thu nhập ở đó là bình đẳng hay bất bình đẳng. Để tính được X% thu nhập không thể dựa trực tiếp vào các con số thống kê công bố trong niên giám thống kê hay tài liệu chuyên dùng đo kết quả điều tra mức sống của dân cư được. Bởi vì, khi tổng hợp thông tin người ta thường sử dụng phương pháp phân tổ; mà khi phân tổ theo mức thu nhập không thể có được ngay một tỷ lệ dân cư mà ta mong muốn của từng nhóm. Vì thế người thường phải tính ra trên cơ sở tài liệu để tính hệ số GINI.

Ta hình dung sự phân phối thu nhập của các tầng lớp dân cư được phân bố như một hình thang. Nếu ta tính được phần đáy thu nhập của Y% dân cư thì số còn lại là thu nhập của nhóm dân cư thuộc tầng lớp trên. Chẳng hạn, nếu ta tính ra số thu nhập của 80% dân cư có thu nhập thấp là 60% thì 20% tầng lớp có thu nhập cao sẽ là 40% = 100% - 60%. Trong tính toán người thường phải tính phần đáy có thu nhập thấp rồi suy ra phần còn lại. Công thức như sau:

$$\bar{D} = Q + \frac{Y - B}{K - B} (m - n)$$

$\bar{D}$ - Phần trăm thu nhập của nhóm dân cư có thu nhập thấp cần tính toán

Q - Phần trăm thu nhập cộng dồn của nhóm dân cư dưới nhóm có đáy

Y - Phần trăm dân cư của đáy tính toán

B - Phần trăm dân cư cộng dồn nhóm dưới nhóm có đáy

K - Phần trăm dân cư cộng dồn của nhóm có chứa đáy

m - Phần trăm thu nhập cộng dồn của nhóm có chứa đáy

n - Phần trăm thu nhập cộng dồn của nhóm dân cư dưới nhóm có đáy

Với phương pháp trên ta có thể tính ra phần trăm thu nhập cho bất cứ một tỷ lệ dân cư nào mà ta muốn.